

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BTNM ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị Thái Nguyên tại Văn bản số 06/CV-DNTN ngày 10/02/2026 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1361/TTr-SNNMT ngày 02/02/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch của ngõ phía Tây) (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị Thái Nguyên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động hướng dẫn, đôn đốc Chủ dự án thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Phú Xuyên;
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/2/2026\_MC

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**của Dự án Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Dự án Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng (thuộc quy hoạch cửa ngõ phía Tây)

- Địa điểm thực hiện: Xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị Thái Nguyên.

**1.2. Quy mô, công suất**

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết và chủ trương đầu tư đã được phê duyệt trên diện tích 91.392,3m<sup>2</sup> với quy mô dân số khoảng 744 người.

**1.3. Phạm vi**

**1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án**

- Hạng mục san nền: San nền tạo mặt bằng với tổng diện tích 50.837,08m<sup>2</sup>; độ dốc san nền thiết kế theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo kết nối đồng bộ với khu vực xung quanh và dân cư hiện trạng.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật và cây xanh: Hệ thống giao thông có 03 loại đường với 03 mặt cắt ngang có lộ giới 11,5m; 15m và 27m với tổng chiều dài các tuyến đường của dự án khoảng 1.540m; hệ thống cấp nước gồm tuyến ống phân phối D110 với tổng chiều dài 1.363m, tuyến ống dịch vụ D63 với tổng chiều dài 1.713m; bố trí 10 trụ cứu hỏa trên mạng lưới; 02 trạm biến áp (01 trạm 400KVA và 01 trạm 180KVA), đường dây cáp trung thế 35kV đi cáp ngầm với tổng chiều dài khoảng 439,5m, hệ thống đường dây chiếu sáng và đường dây hạ thế 0,4kV với tổng chiều dài khoảng 4.141m; hệ thống cây xanh với diện tích 27.438m<sup>2</sup>;

- Hạng mục nắn chỉnh kè dọc bờ suối Đầm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công bằng kè ốp mái với độ dốc 1/1.50, chiều cao kè trung bình khoảng 2m, độ rộng khoảng 3m, tổng chiều dài đoạn kè là 446m (phía Tây Suối chiều dài khoảng 219m, phía Đông Suối chiều dài khoảng 227m); Cos cao đỉnh kè bằng cao độ mặt bằng san nền lô đất cây xanh dọc đoạn suối của dự án từ +90,6m đến +87,8m; cao độ đáy suối thượng lưu +86,6m; cao độ đáy suối hạ lưu +85,1m (giữ nguyên cao độ hiện trạng không tác động đến lòng suối Đầm Làng); xây dựng 2 điểm cống hộp thoát nước, mỗi điểm 05 cống với kích thước 4x3m trên tuyến đường giao thông của dự án giao tại vị trí suối Đầm Làng, đảm bảo lưu thông dòng chảy suối, không gây bồi lắng, sạt lở bờ bãi suối Đầm Làng đoạn chạy qua khu vực dự án.

- Hạng mục các công trình kiến trúc: Xây thô, hoàn thiện mặt ngoài 70 căn nhà tại các lô đất ở LK-28, LK-29, LK-32 LK-33, LK-34, LK 35, LK-36, LK-37, LK-38 và BT-04, trong đó nhà ở cao 3 tầng, 1 tum, không có tầng hầm, tổng diện tích sử dụng đất 70 căn nhà là 7.555,5m<sup>2</sup>.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gồm:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án bằng các cống BTCT D300, D600, D800, D1000 với tổng chiều dài 1.993m; bố trí 75 hố ga các loại và xây dựng 2 điểm cống hộp thoát nước, mỗi điểm 05 cống với kích thước 4x3m trên tuyến đường giao thông của dự án giao tại vị trí suối Đàm Làng. Toàn bộ nước mưa từ dự án được đầu nối vào suối Đàm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công qua 04 cửa xả (gồm cửa xả CX1 là cống D800, CX2 là cống D1000, cửa xả CX3 là cống D1000 và cửa xả CX4 là cống D1000).

+ Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa bằng cống D300, D400 với tổng chiều dài 1632m, bố trí 75 hố ga; xây dựng 01 trạm XLNT công suất 400m<sup>3</sup>/ngày.đêm (trong đó bể điều hòa, bể thiếu khí, hiếu khí và bể lắng của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên hoạt động độc lập), đảm bảo việc tiếp nhận, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt từ dự án; trạm XLNT được xây dựng trên lô đất hạ tầng kỹ thuật (HT-02) có diện tích 1.686m<sup>2</sup>, có lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý mùi và bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng  $\geq 10\text{m}$  và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu 10m theo QCVN 01:2021/BXD và QCVN 01:2025/BTNMT. Nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn (QCVN 14:2025/BTNMT bảng 1, F<2000, cột A) được thu theo đường ống HDPE D400 chiều dài khoảng 38m xả ra suối Đàm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công sau đó chảy ra sông Công cách điểm xả khoảng 7km thông qua 01 cửa xả có tọa độ X = 2399113, Y = 398701 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>).

+ Bố trí 01 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (HT-02) với diện tích 40m<sup>2</sup> (nền bê tông, có mái che) và bố trí 01 kho chứa chất thải sinh hoạt nguy hại diện tích 10m<sup>2</sup> tại lô đất HT-02.

Sau khi hoàn thành, Chủ dự án bàn giao các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, quỹ đất tái định cư cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

### 1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng trên diện tích 91.392,31m<sup>2</sup>; thu hồi đất của khoảng 114 hộ dân, trong đó phá dỡ 12 nhà ở, hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV hiện trạng trong ranh giới dự án với chiều dài khoảng 370m, di chuyển 2 cột điện cao thế, di chuyển 80 ngôi mộ.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, gồm:

+ Hoạt động san nền trên diện tích 60.577,06m<sup>2</sup>, hoạt động đào đắp trong thi công xây dựng phát sinh đất đào cấp II, III, đất bóc hữu cơ và bùn đất yếu.

+ Hoạt động vận chuyển vật liệu, chất thải phá dỡ công trình ra ngoài phạm vi dự án; vận chuyển đất đào đắp và vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng phục vụ dự án.

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động thi công hạng mục nắn chỉnh kè dọc bờ suối Đầm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công bằng kè ốp mái với độ dốc 1/1.50, chiều cao kè trung bình khoảng 2m, độ rộng khoảng 3m, tổng chiều dài đoạn kè là 446m; xây dựng 2 điểm cống hộp thoát nước, mỗi điểm 05 cống với kích thước 4x3m trên tuyến đường giao thông của dự án giao tại vị trí suối Đầm Làng.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

- Hoạt động của dân cư trong phạm vi dự án; hoạt động thu gom, phân loại tại nguồn các loại chất thải và chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt theo quy hoạch và xả nước thải sau xử lý ra môi trường và hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải trong phạm vi dự án.

#### 1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải (XLNT) thoát ra sông Công; ngoài ra, trong tổng diện tích đất thực hiện dự án là 9,13ha có 6,19ha là đất trồng lúa 02 vụ cần chuyển đổi mục đích sử dụng. Như vậy, dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt sông Công được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt và dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến sinh hoạt, nơi ở và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất canh tác, đất ở của khoảng 114 hộ dân, trong đó phá dỡ công trình nhà ở và các công trình phụ trợ của 12 hộ dân; hạ ngầm tuyến đường dây điện 35kV hiện trạng trong ranh giới dự án với chiều dài khoảng 370m, di chuyển 2 cột điện cao thế, di chuyển 80 ngôi mộ.

- Hoạt động san nền tạo mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường, cụ thể gồm:

+ Phát sinh thực vật phát quang...

+ Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc, phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển; phát sinh chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn... tác động đến môi trường và dân cư xung quanh.

+ Nguy cơ ngập úng cục bộ tức thời tại khu vực dự án và xung quanh dự án do hoạt động san lấp mặt bằng, tập kết vật liệu thi công làm trượt sụt đất, vật liệu thi công xuống các mương thoát nước hiện trạng khu vực.

+ Gia tăng ùn tắc giao thông, xuống cấp các tuyến đường giao thông, ảnh hưởng đến đi lại của người dân khu vực dự án do hoạt động vận chuyển và hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động thi công hạng mục nắn chỉnh kè dọc bờ suối Đầm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công bằng kè ốp mái với độ dốc 1/1.50, chiều cao kè trung bình khoảng 2m, độ rộng khoảng 3m, tổng chiều dài đoạn kè là 446m và xây dựng 2 điểm cống hộp thoát nước (mỗi điểm 05 cống với kích thước 4x3m) trên tuyến đường giao thông của dự án giao tại vị trí suối Đầm Làng gây nguy cơ tác động ảnh hưởng đến lòng, bờ suối Đầm Làng khu vực dự án như: Làm thu hẹp lòng bờ suối, thu hẹp dòng chảy, làm giảm khả năng tiêu thoát nước của suối, gây bồi lắng, sạt lở bờ bãi suối Đầm Làng....

- Khu đô thị số 3 xã Yên Lãng đi vào hoạt động có phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có khả năng tác động xấu đến môi trường đất, nước và không khí khu vực nên không được thu gom, xử lý theo quy định.

### **3. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### 3.1. Nước thải, khí thải

##### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

###### a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 3,4m<sup>3</sup>/ngày; thành phần gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

- Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe khoảng 4m<sup>3</sup>/ngày, có thành phần chủ yếu gồm bùn đất, chất rắn lơ lửng, văng dầu mỡ.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 67m<sup>3</sup>/ngày và tiếp nhận nước thải sinh hoạt từ dự án Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng khoảng 98,4m<sup>3</sup>/ngày; thành phần chủ yếu gồm hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>), chất dinh dưỡng (tổng N, tổng P), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật.

##### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp nền, hoạt động xây dựng công trình và hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải bỏ...; thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Hơi khí thải phát sinh chủ yếu hoạt động của trạm XLNT; mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải sinh hoạt.

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực vật phát quang chủ yếu là lúa, hoa màu, cây ăn quả và cây lâu năm trong phạm vi dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 34kg/ngày, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì nilon, vỏ hộp, ...

- Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng như gạch, vữa, đầu mẩu gỗ; chất thải, vật liệu phá dỡ công trình (nhà dân, đường bê tông dân sinh...) chủ yếu là bê tông, gạch vỡ... khoảng 365 tấn.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu, dầu mỡ thải, bóng đèn hỏng... với khối lượng phát sinh khoảng 10kg/tháng.

#### 3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư khoảng 670kg/ngày và tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ dự án Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng khoảng 850kg/ngày; thành phần chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, rau củ quả thải bỏ hàng ngày, giấy vụn, túi nilon, bao bì nhựa thải...

- Chất thải rắn sinh hoạt công kênh phát sinh từ các hộ gia đình trong khu dân cư, không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

- Bùn thải từ hệ thống XLNT phát sinh khoảng 100kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường (than hoạt tính từ tháp xử lý mùi của trạm XLNT khoảng 400 kg/năm.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu dân cư chủ yếu gồm: Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình trong khu dân cư (chủ yếu gồm: pin thải từ các loại thiết bị điện tử...) và chất thải nguy hại từ hoạt động vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật của khu dân cư (chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng hóa chất...) với tổng khối lượng 100 kg/năm và tiếp nhận chất thải nguy hại từ dự án Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng khoảng 150kg/năm.

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển đất san lấp vào dự án, nguyên vật liệu, chất thải bỏ phát sinh tiếng ồn và độ rung chủ yếu ảnh hưởng trong phạm vi công trường thi công; có nguy cơ ảnh hưởng đến các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển và xung quanh khu vực thực hiện dự án.

3.3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Tiếng ồn từ trạm xử lý nước thải.

### 3.4. Các tác động khác

#### 3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến sinh hoạt, nơi ở, hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân do thu hồi đất canh tác nông nghiệp, thu hồi nhà ở.

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng.

+ Nguy cơ ngập úng cục bộ, tức thời tại khu vực dự án và xung quanh dự án khi mưa lớn kéo dài do san lấp mặt bằng hoặc do trượt sạt đất, vật liệu thi công xuống hệ thống thoát nước hiện trạng.

+ Nguy cơ xuống cấp, ùn tắc các tuyến đường giao thông do hoạt động vận chuyển vật liệu phá dỡ, nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.

+ Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng gây bồi lấp các dòng chảy tự nhiên hoặc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực xung quanh dự án.

- Các rủi ro, sự cố: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, các nguy cơ gây mất an toàn khác.

- Nguy cơ tác động ảnh hưởng đến lòng, bờ suối Đầm Làng - phụ lưu số 2 Sông Công khu vực dự án: Theo nội dung tính toán thủy văn trong nội dung báo cáo ĐTM theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 cho thấy, việc xây dựng kè 2 bên bờ suối với độ dốc 1/1.50, chiều cao kè trung bình khoảng 2m, độ rộng khoảng 3m, tổng chiều dài đoạn kè là 446m (phía Tây Suối chiều dài khoảng 219m, phía Đông Suối chiều dài khoảng 227m); Cao cao đỉnh kè bằng cao độ mặt bằng san nền lô đất cây xanh dọc đoạn suối của dự án từ +90,6m đến +87,8m; cao độ đáy suối thượng lưu +86,6m cao độ đáy suối hạ lưu +85,1m (giữ nguyên cao độ hiện trạng không tác động đến lòng suối Đầm Làng) và việc xây dựng 02 điểm công hộp thoát nước (mỗi điểm có 05 công với kích thước 4x3m) trên đường giao thông của dự án giao tại vị trí suối Đầm Làng không làm thu hẹp lòng bờ suối, không làm thay đổi hướng chảy và đảm bảo sự lưu thông dòng chảy suối Đầm Làng (chảy từ Đông Nam sang Tây Bắc dự án); đảm bảo khả năng tiêu, thoát lũ của suối Đầm Làng, không có nguy cơ gây xói lở bồi lắng suối; phương án kè bờ suối Đầm Làng đã thiết kế đảm bảo ổn định bờ suối và các vùng đất ven suối Đầm Làng.

#### 3.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng.

- Sự cố trạm XLNT; sự cố hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT; sự cố cháy nổ, sự cố môi trường khác...

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

###### **4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

###### **a) Giai đoạn thi công xây dựng**

- Bố trí 04 nhà vệ sinh lưu động tại khu vực công trường để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí 01 vị trí cầu rửa bánh xe và 01 hố lắng nước rửa bánh xe  $15\text{m}^3$ /hố để lắng nước thải từ quá trình rửa bánh xe; nước sau khi lắng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường; phân bùn tại hố lắng được nạo vét và tận dụng đổ vào lô đất cây xanh tại Dự án.

###### **b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động**

- Xây dựng hệ thống thu gom, XLNT đồng bộ với quá trình thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án, đảm bảo việc thu gom, XLNT từ dự án khu đô thị số 3 và tiếp nhận nước thải từ dự án khu đô thị số 4; bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng  $\geq 10\text{m}$  và đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường tối thiểu  $10\text{m}$  theo QCVN 01:2021/BXD và QCVN 01:2025/BTNMT; xây dựng quy trình vận hành trạm XLNT và bàn giao trạm XLNT công suất  $400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  kèm theo quy trình vận hành cho đơn vị chức năng quản lý, duy trì vận hành trạm XLNT.

- Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định, cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm trạm XLNT theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý, vận hành trạm XLNT tập trung đến khi hoàn thành các thủ tục bàn giao hạ tầng khu đô thị cho địa phương quản lý; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra, lập sổ nhật ký vận hành trạm XLNT theo quy định. Khi bàn giao hạ tầng khu đô thị cho địa phương quản lý, sẽ bàn giao đồng thời quy trình vận hành trạm XLNT để đơn vị được giao quản lý tiếp tục vận hành trạm XLNT.

- Đơn vị được giao quản lý, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm tổ chức vận hành mạng lưới thu gom và trạm XLNT đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường, kiểm soát thường xuyên chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải của trạm XLNT công suất  $400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  như sau:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại → Bể tách dầu mỡ, lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa, gồm 2 bể (có hệ thống phân phối khí) → Bể thiếu khí, gồm 02 bể (có bổ sung dinh dưỡng) → Bể hiếu khí, gồm 02 bể (có hệ thống phân phối khí) → Bể lắng, gồm 02 bể (có bổ sung PAC) → Bể trung gian → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng bằng Javel → Nước thải sau xử lý đảm bảo đáp ứng quy chuẩn (QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A) được thoát theo đường ống HDPE D400 chiều dài khoảng 38 m xả ra

sông Công thông qua 01 cửa xả có tọa độ X = 2399113; Y = 398701 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>); bố trí 01 bể chứa bùn 31,5m<sup>3</sup>, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn từ trạm XLNT theo quy định; bố trí 01 bể chứa nước sự cố thể tích 400m<sup>3</sup> tại lô đất hạ tầng kỹ thuật xây dựng trạm XLNT, có bơm và đường ống bơm nước từ bể sự cố về bể gom để xử lý sau khi trạm XLNT hoàn thành khắc phục sự cố.

Máy móc, thiết bị trạm XLNT 400m<sup>3</sup>/ngày.đêm được bố trí hoạt động luân phiên, đảm bảo vận hành thường xuyên liên tục trạm XLNT gồm:

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật các bể	Máy móc, thiết bị trong các bể
1	Bể tách dầu mỡ, lắng cát	Thể tích xây dựng 21,1m <sup>3</sup> ; kích thước: (2,8x1,6x5) m	01 máy bơm nước thải 25m <sup>3</sup> /giờ (công suất 1,5kW)
2	Bể thu gom	Thể tích xây dựng 26,3m <sup>3</sup> ; kích thước: (2,8x2 x 5) m	02 máy bơm chìm nước thải 25m <sup>3</sup> /giờ/máy (công suất 1,5kW)
3	Bể điều hòa (02 bể)	Tổng thể tích xây dựng 155m <sup>3</sup> , kích thước (5,25 x 3,175 x 5) m/bể;	04 máy bơm chìm nước thải 25m <sup>3</sup> /giờ/máy (công suất 1,5kW), 02 hệ thống phân phối khí.
4	Bể thiếu khí (02 bể)	Tổng thể tích xây dựng 73m <sup>3</sup> ; kích thước (3,175 x 2,5 x 5) m/bể	04 máy khuấy chìm, lưu lượng 1,8m <sup>3</sup> /phút/máy (công suất 0,4kW)
5	Bể hiếu khí (02 bể)	Tổng thể tích xây dựng 140,2m <sup>3</sup> ; kích thước: (4,75 x 3,175 x 5) m/bể	04 máy bơm chìm nước thải 25m <sup>3</sup> /giờ/máy (công suất 1,5kW), 02 hệ thống phân phối khí.
6	Bể lắng (02 bể)	Tổng thể tích xây dựng 79,6m <sup>3</sup> ; kích thước: (3,175x2,85x5) m/bể	04 bơm bơm chìm nước thải 25m <sup>3</sup> /giờ/máy (công suất 1,5kW).
7	Bể trung gian	Thể tích xây dựng 18,1m <sup>3</sup> ; kích thước: (4,2025x 1 x 5)m	-
8	Bồn lọc áp lực (02 bồn)	Đường kính 1,2m, chiều cao 2m	04 bơm cấp lọc 15m <sup>3</sup> /giờ/máy (công suất 3kW), 02 bơm rửa lọc 10m <sup>3</sup> /giờ/máy (công suất 2,2kW)
9	Bể khử trùng	Thể tích xây dựng 10,5 m <sup>3</sup> ; kích thước: (2,325x1x5) m	-
10	Bể chứa bùn	Thể tích xây dựng 31,5 m <sup>3</sup> ; kích thước: (2,8x2,5x5) m	-
11	Bể sự cố	(20x5x4)m	
12	Nhà điều hành	Diện tích 44,5 m <sup>2</sup> ; kích thước: (7,2x6,2) m	- 04 máy thổi khí lưu lượng 4,5m <sup>3</sup> /phút (công suất 7,5kW). - 02 bồn chứa hóa chất thể tích mỗi bồn 500 lít. - 01 bồn chứa hóa chất thể tích mỗi bồn 300 lít. - 06 bơm định lượng lưu lượng 75 lít/giờ (công suất 0,25kW). - Hệ thống điện điều khiển.

- Hóa chất sử dụng/ngày gồm: Khoảng 20kg Javel 10% (khử trùng); khoảng 20kg dinh dưỡng (gi mật) tại bể thiếu khí; 8 kg PAC tại đường ống vào bể lắng.

Hệ thống xử lý mùi của trạm XLNT:

Quy trình thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT: Lắp đặt các các ống thu khí D110, D125 và D160 tại bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí và chứa bùn → Quạt hút → 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (D1000xR1000xH1850mm bao gồm 2 lớp than hoạt tính → Ống thoát khí cao khoảng 2,7m (tính từ mặt đất) và chiều dài đoạn ống thoát là khoảng 2,5m (do hệ thống xử lý đặt trong nhà điều hành nên ống thoát được đấu ngang qua tường thoát ra ngoài môi trường).

Máy móc thiết bị: 01 quạt hút khí lưu lượng  $3.000\text{m}^3/\text{giờ}$  (công suất 1,5kW).

Than hoạt tính cần định kỳ thay vật liệu mới (khoảng 3 tháng/lần). Than hoạt tính =  $100\text{kg}/\text{lần} = 400\text{ kg}/\text{năm}$ .

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động. Giám sát hiệu quả xử lý của trạm XLNT công suất  $400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  đảm bảo nước thải được xử lý đáp ứng quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A) trước khi xả ra môi trường.

+ Bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi.

+ Bố trí các thiết bị trong trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục; bố trí bể thiếu khí, hiếu khí của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên để đảm bảo việc vận hành thường xuyên, liên tục của trạm XLNT; duy tu, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm XLNT luôn vận hành bình thường; thực hiện ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

+ Lập hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền để được thẩm định, cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm trạm XLNT theo quy định.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí che chắn xung quanh khu vực thi công để giảm thiểu phát tán bụi.

- Sử dụng xe vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường vận chuyển; che chắn thùng xe chở vật liệu khi tham gia giao thông; đơn vị thi công sẽ thường xuyên dọn vật liệu rơi vãi và bố trí xe phun nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển tại khu vực dự án và trên công trường thi công.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Đơn vị quản lý, vận hành duy trì vận hành hệ thống thu gom và xử lý mùi của trạm XLNT; duy trì biện pháp vệ sinh giảm thiểu phát tán bụi trên các tuyến đường nội bộ; chăm sóc cây xanh; hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hằng ngày (01 lần/ngày).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động.

#### 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

##### 4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực vật phát quang chủ yếu là hoa màu, cây lúa, cây ăn quả, cây lâu năm để người dân thu hoạch trước khi bàn giao mặt bằng cho dự án.

- Thuê đơn vị chức năng thu gom vật liệu phá dỡ các công trình xây dựng hiện trạng, chất thải rắn xây dựng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bố trí thùng chứa rác thải sinh hoạt trên công trường tại khu vực lán trại công nhân; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, sau đó tập kết vào khu vực có mái che tại khu vực lán trại công nhân và hợp đồng với đơn vị chức năng đủ điều kiện vận chuyển đi xử lý theo quy định.

##### 4.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Chủ dự án trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy tại dọc các tuyến đường nội bộ của khu đô thị để hộ dân tự phân loại chất thải phát sinh; Bố trí 01 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (đảm bảo tiếp nhận, tập kết chất thải rắn sinh hoạt của dự án Khu đô thị số 4) tại lô đất hạ tầng kỹ thuật (HT-02) với diện tích 40m<sup>2</sup> (nền bê tông, có mái che).

- Hộ gia đình, cá nhân tự thu gom, phân loại, chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt công kênh.

- Đơn vị được giao tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chịu trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt thông thường tại các tuyến đường nội bộ của khu dân cư; vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công kênh của các hộ dân có nhu cầu theo đúng quy định về điểm tập kết rác thải dự án; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

- Đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm: Vận hành hệ thống XLNT đúng quy trình vận hành; hợp đồng với đơn vị đủ chức năng định kỳ thu gom vận chuyển bùn thải phát sinh từ hệ thống XLNT để xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải nguy hại đơn vị bố trí 01 kho chứa chất thải sinh hoạt nguy hại diện tích 10m<sup>2</sup> tại lô đất HT-02 (đảm bảo tiếp nhận, tập kết chất thải nguy hại của dự án).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

#### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Lập kế hoạch thi công, vận chuyển phù hợp (sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công tiên tiến, phù hợp; hạn chế sử dụng các thiết bị có tiếng ồn và độ rung lớn vào ban đêm và hạn chế vận chuyển trong các giờ cao điểm) nhằm hạn chế, giảm thiểu tác động ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung đến đời sống của Nhân dân xung quanh khu vực, dọc tuyến đường vận chuyển.

#### 4.3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Đơn vị được giao quản lý, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của trạm XLNT đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí trạm XLNT ở khu đô thị và bố trí giải cây xanh cách ly để giảm thiểu tiếng ồn gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Chủ đầu tư tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

##### 4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phối hợp với đơn vị chức năng lập, thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ các công trình xây dựng, tài sản và cây cối trên đất theo quy định pháp luật; bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi nhà ở theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ 9.932,2m<sup>3</sup> đất đào đất cấp II, III, không vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án; tận dụng khoảng 19.007,61m<sup>3</sup> đất bóc hữu cơ để đắp khu vực trồng cây xanh của dự án, phần còn thiếu khoảng 19.701,31m<sup>3</sup> được chuyển từ phần đất hữu cơ dư thừa từ dự án Khu đô thị số 4 xã Yên Lãng.

- Trồng đầy đủ cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch, quy định, quy chuẩn hiện hành.

- Đối với vấn đề tiêu thoát nước:

+ Đào rãnh thoát nước tạm thời và duy trì việc nạo vét, khơi thông dòng chảy, rãnh thoát nước tạm để định hướng dòng chảy trong quá trình thi công; thực hiện ngay các biện pháp tiêu thoát nước khắc phục ngập úng và bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có) trong trường hợp xảy ra tình trạng ngập úng khu vực xung quanh do hoạt động thi công của dự án gây ra.

+ Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực, nhất là Đầm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công.

+ Bố trí 04 cửa xả gồm cửa xả CX1 là cống D800, CX2 là cống D1000, cửa xả CX3 là cống D1000 và cửa xả CX4 là cống D1000 thoát nước vào Đầm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công nhằm đảm bảo tiêu thoát nước khu vực dự án, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực.

+ Xây dựng kè ốp mái với độ dốc 1/1.50, chiều cao kè trung bình khoảng 2m, độ rộng khoảng 3m, tổng chiều dài đoạn kè là 446m và xây dựng 2 điểm cống hộp thoát nước (mỗi điểm 05 cống với kích thước 4x3m) trên tuyến đường giao thông của dự án giao tại vị trí suối Đầm Làng.

+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

+ Theo dõi, giám sát thường xuyên diễn biến dòng chảy, biến đổi lòng bờ suối Đầm Làng sau nắn chỉnh và các nguy cơ ảnh hưởng xói lở lòng bờ suối Đầm Làng đến an toàn của công trình và kịp thời có biện pháp bảo vệ công trình, bảo vệ bờ suối Đầm Làng không làm gia tăng rủi ro thiên tai tại khu vực.

+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát nguy cơ ngập úng đối với các khu vực liên quan đến dự án để kịp thời bổ sung các giải pháp khắc phục hiện tượng ngập úng.

- Đối với vấn đề giao thông: Phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công của dự án; yêu cầu các nhà thầu thi công thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Đối với rủi ro, sự cố: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và quy trình kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị; phối hợp với chính quyền địa phương nắm bắt ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục ngay những tác động tiêu cực từ các hoạt động của dự án làm ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân khu vực.

#### 4.4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Bố trí các thiết bị trong trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục và bố trí bể điều hòa, bể thiếu khí, hiếu khí của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên để đảm bảo việc vận hành thường xuyên, liên tục của trạm XLNT.

- Đơn vị được giao quản lý khu đô thị, vận hành trạm XLNT sau khi tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm:

(1) Đối với sự cố non tải: Bố trí của trạm XLNT đảm bảo việc vận hành luân phiên, liên tục và bố trí bể thiếu khí, hiếu khí của trạm XLNT gồm 02 đơn nguyên hoạt động độc lập, liên tục để phục vụ cho việc vận hành khi lưu lượng đầu vào linh hoạt (trường hợp lưu lượng nước thải  $\leq 50\%$  công suất chạy 1 đơn nguyên, lưu lượng nước thải  $>50\%$  công suất chạy toàn bộ các công trình của trạm).

(2) Đối với sự cố quá tải: Thiết kế trạm XLNT đã tính toán đến hệ số an toàn  $k = 1,25$ ; bể sự cố có thể tích hiệu dụng khoảng  $400\text{m}^3$  lưu chứa tối đa (24 giờ) và thực hiện duy trì vận hành toàn bộ các công trình của trạm XLNT.

(3) Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Kịp thời sửa chữa, thay thế các đoạn đường ống bị tắc, bị rò rỉ đảm bảo trạm XLNT hoạt động liên tục.

(4) Đối với sự cố nước thải không đạt yêu cầu: Bể sự cố có thể tích hiệu dụng khoảng  $400\text{m}^3$ , đảm bảo khả năng chứa nước thải trong trường hợp trạm XLNT gặp sự cố (24 giờ); nước thải được bơm ngược trở lại để tiếp tục được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Duy trì kiểm tra các họng nước phòng cháy, chữa cháy đảm bảo hoạt động ổn định.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát, phát hiện sớm các nguy cơ trượt sạt đất để kịp thời khắc phục nhằm hạn chế các nguy cơ gây trượt sạt hạn chế ảnh hưởng đến các công trình của dự án, các công trình xung quanh và khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư**

### **5.1. Trong quá trình thi công xây dựng**

Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các nhà thầu thi công trong việc đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường đã cam kết; yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt trong quá trình thực hiện và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; yêu cầu dừng thi công khi để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để kịp thời khắc phục.

### **5.2. Trong giai đoạn hoạt động**

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải, khí thải theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư, các quy hoạch có liên quan; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng các công trình của dự án.

- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định; tuân thủ quy định Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới khu vực thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực, nhất là suối Đầm Làng - Phụ lưu số 2 sông Công.

- Thi công xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế và hoàn thành trạm XLNT trước khi dân cư vào sinh sống, nước thải được xử lý đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F<2000, cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra theo quy định; bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi.

- Bố trí 04 cửa xả gồm cửa xả CX1 là cống D800, CX2 là cống D1000, cửa xả CX3 là cống D1000 và cửa xả CX4 là cống D1000 thoát nước vào suối Đầm Làng - Phụ lưu số 2 Sông Công nhằm đảm bảo tiêu thoát nước khu vực dự án, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực.

- Thi công nắn chỉnh suối Đầm Làng theo quy hoạch và thiết kế được phê duyệt đảm bảo điều kiện thoát nước, ổn định bờ kè, không gây xói lở bồi lắng, không để xảy ra ngập úng cục bộ tại khu vực dự án; theo dõi, giám sát thường xuyên diễn biến dòng chảy, biến đổi lòng suối sau nắn chỉnh và các nguy cơ ảnh hưởng xói lở bờ suối đến an toàn của công trình và kịp thời có biện pháp bảo vệ công trình, bảo vệ bờ suối Đầm Làng không làm gia tăng rủi ro thiên tai tại khu vực.

- Thiết kế, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đảm bảo hành lang nguồn nước đối với suối Đầm Làng theo quy định tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm và khắc phục ngay các sự cố sụt lún, nghiêng, nứt công trình xung quanh và bồi thường, hỗ trợ các công trình bị ảnh hưởng theo quy định; thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của Nhân dân khu vực đối với các tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường và thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư.

- Thực hiện đúng và đầy đủ quy định về việc khai thác, tận thu khối lượng đất đào trong phạm vi dự án theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản.

- Báo cáo, phối hợp với đơn vị quản lý tuyến đường dây điện 35kV chạy qua khu vực dự án để được xem xét chấp thuận trước khi di chuyển, hạ ngầm, hoàn trả.

- Lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, cấp phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định và trước khi bàn giao khu dân cư cho địa phương quản lý.

- Đảm bảo duy trì việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án; xây dựng quy trình vận hành trạm XLNT cho khu dân cư, khi bàn giao khu dân cư cho đơn vị có chức năng của địa phương quản lý, phải bàn giao kèm theo hướng dẫn quy trình vận hành trạm XLNT để tiếp tục duy trì thực hiện.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.